CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 6

THÍCH TUỆ VIỄN

Ngài Tuệ Viễn họ Giả, người ở Lâu Phiền, Nhạn Môn, thuở nhỏ thích đọc sách, năm mười ba tuổi theo cậu Lệnh Hồ đến học ở Hứa Lạc. Vì vậy nên tuổi nhỏ mà đã vì chúng sanh. Thông suốt lục kinh, giỏi nhất về Lão, Trang. Bổn tánh siêu phàm trác tuyệt, tư chất thông minh hơn người. Dù là bậc túc Nho lão luyện, tài ba cũng đều khâm phục chỗ thông đạt của Ngài.

Năm hai mươi mốt tuổi Ngài muốn sang Giang Đông gặp Phạm Tuyên Tử để cùng an cư. Nhưng gặp lúc Thạch Hổ đã chết nên vùng Trung Nguyên giặc dã nổi loạn, đường về phương Nam bị bế tắc, chí nguyện không thành. Khi ấy Ngài Đạo An lập chùa ở Hằng Sơn, Thái Hành, hoằng dương giáo pháp, tiếng tăm lừng lẫy. Ngài Tuệ Viễn bèn tìm đến nương ở. Vừa gặp mặt thì hết lòng cung kính, cho rằng đây là vị chân sư của mình. Sau đó nghe Ngài Đạo An giảng kinh Bát-nhã, Ngài có chỗ sở ngộ. Bèn than rằng: chín phái Nho, Đạo đều là trấu cám mà thôi. Rồi cùng với em mình là Tuệ Trì xuất gia làm Sa-môn quên thân học đạo. Khi đã nhập đạo thì nổ lực siêng năng vượt trội hơn chúng. Ngài luôn có tâm niệm muốn thâu tóm các cương yếu của kinh điển, lấy việc hoằng dương đại pháp làm nhiệm vụ của mình, đêm ngày siêng năng hành trì tham cứu, sống một cuộc đời vô sản, y áo thô sơ, mà anh em vẫn một mực kính nhường, trước sau không dám giải đãi. Có Sa-môn Đàm Dực thường cung cấp chi phí hương đèn. Ngài Đạo An biết vậy vui vẻ nói rằng: "Đạo Sĩ thật là biết người". Viễn tịch tuệ giải nơi nhân đời trước, phát tâm từ nhiều kiếp mới thông minh, cơ trí, trác tuyệt như vậy. Ngài Đạo An thường khen: kẻ khiến cho đạo hưng thạnh ở nước ta là Viễn vậy.

Năm hai mươi bốn tuổi Ngài bèn thăng toà thuyết pháp, có lần vị khách nghe ngài giảng, than rằng nghĩa thật tướng Ngài giảng tới lui

nhiều lần càng tăng thêm sự ngờ vực. Ngài Tuệ Viễn liền dẫn nghĩa Trang Tử có liên hệ đến đề tài này làm cho những người chưa hiểu được tỏ tường. Sau đó ngài Đạo An đặc biệt cho phép Ngài được nghiên cứu ngoại điển. Ngài Đạo An có hai vị đệ tử là Pháp Ngộ và Đàm Huy. Đều là những bậc tài năng sáng lạng, đạo hạnh xuất chúng, cả hai đều bội phục ngài Tuệ Viễn. Sau đó Ngài theo thầy về phương Nam đến Phiền Miện. Lúc đó vào niên hiệu Kiến Nguyên thứ chín đời Nguỵ Tần, có vị tướng tên Phù Bình nổi loạn cướp phá Tương Dương, ngài Đạo An bị Chu Tự quản thúc nên không thể đi được. Ngài phân chia đồ chúng mỗi người mỗi ngã theo sở thích của họ, cả đồ chúng đều được thầy dặn bảo cặn kẻ, chỉ riêng ngài Tuệ Viễn là thầy không nói lời nào, Ngài quỳ xuống thưa rằng: " Chỉ mình con không được dạy bảo, e rằng sau này con chẳng làm bậc mô phạm cho người".

Ngài Đạo An nói:" Là con thì ta còn lo gì". Thế rồi, ngài Tuệ Viễn cùng với mấy mươi người đệ tử đi về phương Nam, qua Kinh châu trú tại chùa Thượng Minh. Sau đó lại muốn sang núi La-phù, vừa đến Tầm Dương thấy Lô Sơn là một ngọn núi yên tĩnh để tu hành. Ban đầu Ngài ở tịnh xá Long tuyền, nơi đây cách nước khá xa, Ngài bèn chống tích trượng xuống đất khấn rằng:"nếu nơi này có thể ở được thì hãy khiến cho vùng đất khô cằn này thành dòng nước" Ngài vừa dứt lời bổng nhiên có một dòng nước trong xanh vọt ra và biến thành suối. Sau đó không lâu ở Tầm Dương nắng hạn, Ngài đến bờ ao đọc kinh Hải Long Vương, chợt có một con rồng từ ao vọt lên hư không, lát sau trời đổ mưa lớn. Năm ấy mùa màng trúng vụ, nhân đó Ngài đổi tên tịnh xá thành chùa Long tuyền. Lúc ấy có vị Sa-môn tên là Tuệ Vĩnh ở chùa Tây Lâm đồng thời là đồng môn với ngài Tuệ Viễn, thuở xưa thích ở chung với Ngài. Tuệ Vĩnh bảo thứ sử Hoàn Y rằng:"Ngài Tuệ Viễn mới đúng là bậc hoằng đạo. Nay đồ chúng đã đông mà người tin đến học đạo càng nhiều, bần đạo ở chỗ chật hẹp không đủ để ở chung. Hoàn Y đáp: Thế sao? Rồi ông bèn xây dựng Đông Lâm cho ngài Tuệ Viễn ở, tức là chùa Đông Lâm vậy. Ngài Tuệ Viễn lập một ngôi tịnh xá, động nhiều suốt cả núi, lại dựa vào đỉnh Hương Lư, bên cạnh vắt ngang một dòng thác, đá chồng lên nhau, lại trồng thành những rặng tùng. Suối trong, thềm ngọc, mây trắn đầy thất. Ở trong lại đặc biệt cất một ngôi Thiền Lâm, cây cối rậm rợp, sương khói bao phủ, rêu mọc trên phiến đá, hễ ai đến đây tham viếng đều cảm thấy thần thanh khí tú. Ngài Tuệ Viễn nghe nói ở Thiên Trúc có tượng Phật, đức Phật này thuở xưa hàng phục độc long, hình ảnh ấy còn lưu truyền lại. Trong thất đá của một vị tiên phía

Nam thành Na-biệt Ha nước Nguyệt Thị thuộc vùng bắc Thiên Trúc, hành đạo trên sa mạc, cách phía Tây một vạn năm ngàn tám trăm năm mươi dặm. Mỗi lúc cảm giao thì trong lòng muốn chiêm bái. Lần nọ có vị Sa-môn Thiên-trúc miêu tả tượng Phật độ rồng độc, ngài Tuệ Viễn bèn ra đằng sau lưng núi kế bên dòng suối chọn một địa điểm để xây am thất. Rồi theo sự diễn tả ấy vẽ ra một bức tượng Phật, nhìn xa xa giống như tượng Phật lúc ẩn lúc hiện trong mây khói.

Ngài bèn trước tác một bài minh: Vĩ đại thay! Tượng lớn lý huyền mà không tên, thể thần nhơn hoá, để lại bóng mà lìa hình. Ánh sáng vờn trên đỉnh, bóng sáng ngưng tụ không trung. Ở trong tối mà không mờ, ở trong mờ mà càng sáng, uyển chuyển tinh tế, triều tông bách linh, ứng không cùng phương, vết bặt mà sâu mầu, cõi giới mênh mông, chẳng khuyến chẳng khích, theo lời kể mà vẽ thành dung nhan, tưởng tượng lại mà họa thành hình, tưởng vẹn thể nầy, dung nghi ngời sáng, lông trắng phóng hào quang chiếu sáng trong đêm tăm tối, cảm thấu thì liền ứng, khấu thành phát thệ, để lại tiếng tăm trên ngọn núi thiêng, say sưa thưởng thức tham viếng sẽ gặp, công chẳng do xưa, quay lưng quên kính, chẳng suy chẳng xét. Tam quang(ánh sáng mặt trăng, mặt trời, sao) chiếu soi nhau, vạn lượng một màu, nhà cửa san sát, đường về chẳng ngờ trước. Ngộ thí được tĩnh lặng, duy có cảnh trần tạm nghỉ, chẳng phải bậc thánh siêu phàm suốt thấu thì ai có thể suốt thấu chỗ cùng tột của nó. Cầu mong tiếng tăm ấy được vang vọng mãi, luôn luôn ngóng về Thích đạo mầu, nhỏ nhiệm như đầu sợi lông, vận vi khinh tố, nương vào chút sắc ảo ẩn hiện ở hư không, chĩ in bóng giữa tầng mây, bóng dáng tợ hình tượng. Chân lý ấy thật sâu mầu, vô cùng sảng khoái, ngọn gió lành mở đường, thanh khí vần vũ, hoàng hôn giao tiếp với bình minh phảng phất thần dung mang máng kính gặp. Khắc chữ vẽ tượng đâu mong đâu cầu, cảm nhận nghe thấy, để lại tấm gương cho các ông thực hành theo, ngỏ hầu làm phép tắc trong chốn hồng trần, soi sáng pháp huyền kia, súc sạch nơi ao linh, uống vào thêm tươi nhuận, chiếu soi đều hư rỗng ứng thích với lẽ thực. Trí rộng lớn mới trùm khắp, âm thầm tưởng niệm tiêu tưởng thần du, cái chết đối đầu, trăm mối lo âu.

Lại, thuở xưa ở Tầm Dương, Đào Khản đến trấn nhậm Quảng châu, một ngư dân thường thấy trên mặt biển có ánh sáng thần dị phóng quang liên tiếp cả mười ngày. Ông đem chuyện kỳ lạ ấy tâu với Đào Khản. Đào Khản nghe vậy, bèn đích thân đến đó xem xét thì đúng là tượng Phật do vua A-dực tạo ra. Ông cho cung thỉnh về chùa Hàn Khê ở Vũ Xương để thờ. Có lần thầy Tăng Trân là trụ trì của chùa này đi

qua Hạ Khẩu, ban đêm thầy mơ thấy chùa bị thiêu rụi, mà chỉ có gian thất thờ tượng nhờ long thần vây quanh mà vẫn còn nguyên vẹn. Tỉnh dậy thầy Tăng Trân vội trở về chùa thì thấy xung quanh chùa đều bị cháy rụi mà chỉ còn một gian thất thờ tượng Phật. Đào Khản sau này đi nhậm chức tỉnh khác, vì biết tượng này linh dị nên cho người đến thỉnh về. Khoảng vài mươi người khiêng đến bờ sông rồi đưa lên thuyền, thuyền bị chao đảo. Sứ giả hoảng sợ đem trả lại chùa, rốt cuộc không đem theo được. Đào Khản thuở niên thiếu đã nổi danh là tài ba, nhưng vì thiếu tâm thành tín, cho nên trong kinh sở có lời đồn rằng:" Đào Khản chỉ dùng uy lực, tượng biểu thị cho thần linh, mây lượn rồi ngưng lại, thăm thẳm xa xôi. Có thể đem hết lòng thành kính, khó thể cậy lực chiêu vời. Cho đến khi ngài Tuệ Viễn dựng chùa xong, ông hết lòng phụng thỉnh thì bổng nhiên bức tượng nhẹ nhàng, quay về không ngăn ngại, điều đó đủ biết oai lực của ngài Tuệ Viễn sâu nhiệm biết dường nào. Thế rồi Ngài dẫn chúng hành đạo sớm hôm không nghĩ. Giáo pháp của Đức Thích-ca đến thời nay được phục hưng. Chẳng bao lâu những bậc kỳ đức trì luật tu thiền, những kẻ dứt trần thành tín không hẹn mà đến, mong mỏi tìm về. Những vị như Lưu Di Dân người Bành Thành, Lôi Thứ Tông ở Dự Chương, Châu Tục Chi người Nhạn Môn. Tất Dĩnh Chi ở Tân Thái, Tông Bính, Trương Lai Dân, Trương Tú Thạc, người Nam Dương cùng bỏ phú quý vinh hoa ở đời mà theo Ngài cầu pháp. Ngài Tuệ Viễn bèn ở trước tượng Phật Di-đà trong tịnh xá lập trai đàn phát thệ cùng với những vị này hẹn về Tây phương, rồi bảo Lưu Di Dân sáng tác bài văn: Vào năm ấy chính là ngày 28 Ất Mùi, tháng 7 Mậu dần mùa thu nhiếp đề. Pháp sư Thích Tuệ Viễn tinh thành cảm thấu lẻ huyền mầu, mong mỏi cùng phát nguyện thù thắng, cùng với những bậc chí sĩ đồng lòng tụ tập tinh chuyên. Trong số ấy có hai mươi ba vị, vân tập ở trước tượng Di-đà trong tịnh xá trong đài Bát-nhã dưới Lư Sơn. Tất cả đều dâng hương hoa

Cùng với tất cả tấc lòng thành kính mà phát thệ. Suy ra chúng trong hội nầy, tỏ rõ là cùng có nhân duyên với nhau, thì chuyện trong ba đời là rõ ràng vậy. Tính thiện cảm đã phù hợp thì báo thiện ác hẳn là điều tất nhiên. Suy ra sự ngầm gia hộ, ngộ được sự bức thiết của vô thường, thấy được tướng sanh diệt của tam báo, biết được sự khó khăn để vượt qua con đường hiểm. Những kẻ hiền cùng chí nguyện này. Cho nên những vị này đêm ngày tinh cần, ngưỡng vọng sự tế độ. Bởi lẽ thần là do cảm được chứ không phải theo dấu vết tìm cầu, có vật ắt cảm, thì đường tăm tối ngay trước mặt, nếu không chủ để cầu thì mênh mông

biết đâu là bến bờ. Nay may mắn không mưu tính mà Tây cảnh đều là tâm khấu thành, thiên thì niềm tin là thiên phát, mà cơ tượng thông với tẩm mộng. Vui mừng bởi cả trăm hiền sĩ tụ hội, thế nên ở trên mây bức tranh lộ rõ. Ảnh đều là thần tạo, công do lý hoà hợp, sự chẳng phải nhơn vật, đây quả thật là do trời tạo một cơ hội, hợp với vận ngầm. Đâu không thể khắc lòng tinh chuyên thêm suy tư để lắng bớt lo nghĩ của mình. Song cảnh tích ấy sai biệt và công đức cũng không giống nhau, tuy buổi sáng rộng cầu nguyện bảo là giống, song buổi chiều trở về thì là cách biệt. Chính là điều mà pháp hữu thầy thiền của ta lấy làm việc đáng thương. Thế nên thật là chạnh lòng, đợi chỉnh sửa lại vạt áo lên pháp đường. Cùng một lòng thực hành, những nguyện vọng thầm kín đều tốt đẹp. Thệ cùng với những pháp hữu đồng hạnh này vượt lên tuyệt cảnh. Chốn có sự linh xuất tuyệt luân đi đầu trong thần cảnh thì không chỉ có riêng ở Vân Kiệu, chẳng gồm cả U Cốc, trước tiến sau thăng. Sách tấn khích lệ trên đường đạo, lại khéo quán tưởng đại nghi, trình bày rõ ràng. Biết là nhờ sự nhận thức mới, hình là do sự thay đổi. Nương phù dung ở trung lưu, nhờ quỳnh kha để ngăm vịnh, phấp phới áo mây nơi bát cực, bồng bềnh gió thơm đến tận năm. Thể chẳng an mà càng vui nhộn, tâm sảng khoái để thêm đắc ý. Vào tam đồ mà hoằng tạ biệt, ngao du nơi cung trời mà mãi từ biệt. Làm hưng thạnh chúng linh để nối tiếp quy củ, đề ra một hơi thở dài để làm kỳ hạn. Đấy chính là đạo vậy, há không rộng ư!

Tuệ Viễn có tư chất nghiêm túc, dáng vẻ đạo mạo. Phàm hễ ai trông thấy cũng sanh tâm nể phục. Từng có một vị Sa-môn chọn trúc như ý muốn để biếu Ngài, không dám tỏ bày, xin ở lại một chỗ kín rồi âm thầm ra đi. Có một vị Tăng hiệu là Tuệ Nghĩa, mạnh dạn không ngần ngại, lúc đến núi bèn bảo đệ tử của ngài Tuệ Viễn rằng: Các ông tài hèn đức mọn, ta nghe danh đồn chiết phục giỏi. Ta nay đến xem thử thật sự ra sao? Rồi ông đến núi gặp ngài Tuệ Viễn giảng kinh Pháp Hoa. Mỗi lần muốn cật vấn, thì trong lòng run sợ toát mồ hôi rốt cuộc không dám hé nửa lời. Ông lui ra nói với Tuệ Bảo rằng: Sức định của Ngài quả đáng kính sợ, Ngài đây là bậc siêu xuất trong chúng như vậy.

Có lần Ân Trọng Kham đến Kinh châu ghé qua núi viếng thăm Ngài, cả hai cùng đến Bắc giản luận về chuyện "thay đổi thể thì phải chuyển cảnh". Một lát than rằng: Bậc thức tín thâm minh thật khó đo lường. Tư Đồ Vương ích, hộ quân vương Mặc v.v...đều khâm phục oai đức và từ xa viếng thăm Ngài. Vương Ích biên thư nói rằng: Tuổi tác ông mới bốn mươi mà sức khoẻ đã yếu ớt và lãng tai. Ngài Tuệ Viễn

nói: Người xưa không yêu tiếc tấc ngọc, mà chỉ quý trọng tấc thời gian. Xem ông đang sống đây cũng tợ như không phải lớn tuổi. Đàn việt đã thực hành đúng lời dạy mà dưỡng tánh cho thoải mái. Nương giáo lý của Phật để ngự tâm. Từ đó suy ra còn ưa thích răng long đầu bạc làm gì. Thiết nghĩ lẽ này, Ngài đã đạt từ lâu rồi. Song vì muốn đáp lại bức thư ông gởi đến thôi. Lư Tuần vừa xuống thành Giang châu liền vào núi thăm ngài Tuệ Viễn. Thuở nhỏ cha ông ta và Ngài từng là bạn học cũ, nên vừa thấy Tuần Ngài hết sức vui mừng sớm tối thăm hỏi chuyện trò, tăng chúng có vị nhắc Ngài: Tuần là tên giặc của nước nhà, Ngài xã giao nồng hậu thế không nghi ngờ gì sao. Tuệ Viễn đáp: trong Phật pháp ta tình nghĩa vốn không lấy bỏ, há không được kẻ thức giả hiểu biết tỏ tường, điều này không gì đáng lo cả. Đến khi Tống Vũ tìm bắt Lô Tuần bèn lập mạng lưới để theo dõi. Tả hữu vua nói: Ngài Tuệ Viễn làm chủ ở Lô Sơn mà cùng giao thiệp thân mật với Tuần. Tống Vũ nói: Tuệ Viễn là bậc mô phạm cho nhân thế, nhất định không thị phi bèn sai người mang thư đến viếng thăm, đồng thời cúng dường tiền bạc gạo thóc. Lúc bấy giờ xa gần đều cảm phục cái thấy sáng suốt của Ngài. Ban đầu kinh điển truyền đến Giang Đông còn khan hiếm, Thiền pháp chưa thịnh hành, luật tạng suy đồi. Ngài than thở vì đạo pháp ở vùng này còn lu mờ. Ngài bảo hai vị Pháp Tịnh, Pháp lãnh đi đến xứ Tây Vực tìm những bộ kinh điển. Các vị ấy băng đèo vượt qua sa mạc, núi truyết, qua nhiều năm mới trở về. Ngài đều đem những Phạm bổn có được ra truyền dịch. Trước đây ngài Đạo An đã có các dịch giải, song chưa hoàn chỉnh. Nay ngài Tuệ Viễn muốn thỉnh ngài Đàm-ma Nan-đề dịch bộ A-tỳ-đàm Tâm luận. Vì người thời ấy ít người giỏi, ngôn ngữ đời Tấn lại khúc mắc. Sau này có vị Sa-môn tăng-già Đề-bà người nước Kế Tân, thông suốt các bộ kinh điển, Ngài đến Tầm Dương vào năm thứ 16 niên hiệu Thái nguyên nhà Tấn. Ngài Tuệ Viễn thỉnh Ngài dịch lại bộ A-tỳ-đàm Tâm và Tam pháp độ Luận. Lúc ấy hai học thuyết này mới phát triển, đồng thời Ngài còn viết bài tựa, để chỉ rõ tông chỉ, khiến học giả giảm bớt phiền toái. Ngài đối việc hoằng pháp luôn canh cánh bên lòng, mỗi khi gặp vị khách Tây Vực bèn khẩn mời lại để tham vấn. Nghe tin Ngài La-thập vào Quan Trung, liền cho người mang thư tham viếng rằn: Thích Tuệ Viễn cúi đầu lễ Ngài, năm ngoái được thư Diêu tả tướng quân, đều nương đức hỏi: Nhơn giả đường xá ngàn dặm cách trở, từ ngoại quốc đến, lúc bấy giờ ngôn ngữ chưa được giao lưu. Nay tin Ngài đến lòng hết sức vui mừng. Nhưng sông ngòi cách trở, chỉ biểu lộ sự kính ngưỡng mà thôi, phải biết trong hội thừa, phủ Thông, trong lòng

mong mỏi muốn đến nương ở. Có hỏi thì mới biết xa được, chỉ có tấm lòng hưng phấn tận hưởng mà không thể nói hết. Vọng ngắm con đường phía trước ắt tăng thêm sự vất vả cho Ngài. Song vui mừng vì đại pháp đã được truyền bá khắp nơi. Mặc dù gióng tiếng chuông trong đời mạt pháp, nhưng chỉ thú vẫn mang dấu xưa. Quả thật chưa thể(thức tỉnh) chấn hưng diệu môn, để cảm thấy đến di linh. Đến mỗi bạn bè thân thiết không ngày nào mong mỏi. Luận về Chiên-đàn dời trồng ở đâu thì các cây khác xung quanh đều thơm lây. Ma-ni toả sáng thì các thứ trân bảo tự tụ lại. Đây là lẽ hợp với đạo, giống như đi hư mà về thật. Huống chi tông phong hoàn toàn không có hình tướng mà ứng không vì tình. Vì vậy người đảm nhiệm việc hoằng pháp phải lấy sự vô chấp làm tâm, giao thiệp bạn hữu bằng người nhân đức khiến cho công mình không lãng phí. Nếu khiến cho bánh xe pháp không ngừng quay nơi đường bát chánh, pháp âm Tam Bảo không ngừng vang mãi đời Mạt pháp thì lòng đã mãn nguyện, tài hoa không ai bằng.

Long Thọ đâu chỉ khéo theo nơi vết trước. Từ nay tỷ lượng y tài, nguyện lên toà cao để trước thuật, đồng thời bình đựng nước trong cửa trời đã đây là pháp vật, tạm dùng nó để bày tỏ tấm lòng.

Ngài La-thật hồi âm.

Cưu-ma La-thập đáp lời: Tôi với Ngài chưa từng gặp mặt hàn huyên, lại văn từ cách biệt, nẻo lòng không thông, cơ duyên đặng ý đã tuyệt dứt, chỉ chuyển lời đến tạm tỏ lòng kính ngưỡng. Bởi chẳng biết phải làm gì mới phải. Một con đường có thể ngăn cả trã. Kinh nói: Đời sau ở phương Đông sẽ có một vị Bồ-tát hộ pháp khích lệ nhơn giả khéo hoằng truyền Phật sự của Ngài. Luận về tài có đủ năm món, đó là phước đức, giới hạnh, học rộng, biện tài, trí tuệ, Ngài có đủ cả những tiêu chuẩn đó thì sẽ khiến cho đạo hưng thịnh, chưa đủ thì bị nghi trệ. Nhân giả là người hoàn hảo vẹn đủ cả vậy. Cho nên muốn gởi lòng đến thăm hỏi, nhờ người dịch truyền ý, đâu thể thấy hết được, chỉ tạm đáp lại lòng mong mỏi của Ngài đã chiếu cố. Muốn khi lên pháp toà để trước tác phải là ý của Như Lai. Nhưng sức người không xứng vật nên lấy làm hổ thẹn. Xưa nay thường dùng chậu rửa bằng đồng, đá song khẩu" có thể dự bị số pháp vật. Đồng thời làm một bài kệ rằng: Đã xả nhiễm lạc, tâm đặng thiện nhiếp chăng. Nếu được sự yên định, thâm nhập thật tướng không. Rốt ráo trong tướng không. Tâm mình không có gì để thích, nếu vui thiền trí tuệ là pháp tánh vô chiếu, hư cuồng v.v... đều không thật, cũng không chỗ dừng tâm, pháp ấy nhân giả đã đắc. Mong cầu mở bày chỗ cốt yếu.

Ngài Tuệ Viễn viết thư hồi âm rằng: Hôm nay có khí tốt so ra như thế nào, tháng trước pháp thức đạo nhơn đến. Nghe Ngài muốn về bổn quốc, lòng vô cùng buồn bã. Trước đây hay tin Ngài sẽ soạn thảo ra các kinh, cho nên chưa muốn đến tham vấn. Nếu lời này đúng như tin đồn thì thật đáng tiếc, nay lược hỏi mấy mươi điều. Mong Ngài lúc rỗi rải thì chuyển dịch giùm. Điều này tuy chẳng mấy khó khăn gì đối với kinh điển, nhưng muốn lấy quyết định ở nơi Ngài thôi. Và đáp lại một chương kệ:

Đầu mối rốt cuộc do đâu
Một mảy trần liền động cảnh
Thành ra sức núi lỡ này
Xúc lý tự sanh tuệ.
Nhân duyên tuy vô chủ
Mở lối chẳng một kiếp
Khi không ngộ lý mầu
Ai rõ nắm huyền khế
Chẳng hỏi thứ hoang đường
Cùng nhau hẹn bóng xế

Sau đó có phất-nhã Đa-la vừa đến Quan Trung đọc bộ Thập tụng bằng tiếng Phạm. Ngài La-tThập theo văn Tấn chia làm ba phần, mới được hai phần thì ngài Đa-la qua đời. Tuệ Viễn thường luôn buồn bã vì bộ sách chưa hoàn chỉnh. Cho đến lúc hay tin Đàm-ma Lưu-chi vào Tần lại thông thạo bộ này, nên Ngài sai đệ tử là Đàm Ung đem thư đến khẩn thỉnh mời Ngài vào Quan Trung để dịch tiếp phần còn lại. Cho nên toàn bộ Thập tụng đầy đủ. Đời nhà Tấn soạn thuật được bộ đó và lưu truyền cho đến ngày nay.

Những người thông suốt nội ngoại điển ở Quan Trung đều đến tụ hội nơi này là do oai lực của ngài Tuệ Viễn. Tăng chúng ngoại quốc đều gọi đất Hán có đạo sĩ đại thừa. Mỗi lần đốt hương lễ bái đều hướng về hướng Đông đảnh lễ tưởng niệm Lô Sơn, Ngài là dấu tích của thần lý, cho nên chẳng thể lường được. Trước kia ở Trung Quốc chưa có thuyết Niết-bàn thường trụ, chỉ thảo luận về vấn đề thọ mạng dài ngắn mà thôi.

Ngài Tuệ Viễn bèn nói: Phật là đấng tối cực, tối cực thì không biến chuyển, lý bất biến đâu có chỗ cùng tận ư. Nhân đó Ngài trước tác quyển Pháp tánh luận rằng: chí cực lấy bất biến làm tánh. Đạt tánh lấy thể cực làm tông. Ngài Cưu-ma La-thập khen rằng: người nơi biên địa chưa có kinh, lại am hiểu và hợp lý, há không tuyệt diệu ư. Vua Diêu

Tần khâm phục oai phong tài đức tài trí của Ngài, nên thường viết thư thỉnh vấn, cúng dường liên tiếp. Tặng cho Ngài một tượng thêu lụa tạp sắc ở nước Quy Tư để tỏ lòng kính mến. Còn sai Diêu Sùng tặng cho Ngài một pho tượng bằng ngọc thạch. Khi vừa dịch xong bộ luận Trí Độ, vua sai người đem di thư đến thưa: Bộ luận Trí Độ này vừa dịch xong, đây là trước tác của ngài Long Thọ, lại thuộc chỉ thú Phương đẳng. Viết lời tựa để bày tỏ ý tác giả, nhưng các đạo sĩ ở đây đều từ chối không dám hạ bút, Pháp sư nên đề vào đây ít dòng làm lời tựa để người học đời sau không phải nghi ngờ.

Ngài Tuệ Viễn đáp thư: Muốn tạo bài tựa Đại Trí Độ để làm sáng tỏ ý tác giả, bần đạo lấy làm áy náy trong lòng. Bởi lớn thì chẳng phải nhỏ có thể dung chứa được, tài hèn đức mọn chẳng thể đo lường được. Vạch ra thấy mặt trời, hổ thẹn vì tuổi đã cao, thân thể ốm yếu nhiều bệnh tật, đụng chuyện thì trở ngại, không như ý mình, mặt trời ấy cũng đã che phủ. Do đó mong Ngài bảo trọng, bèn tạm dứt hoài bảo, còn nghiên cứu cho mỹ mãn thì sẽ trông mong bậc cao đức, tiếng tăm của Ngài vang xa như vậy.

Tuệ Viễn thường nói:

Văn từ trong Đại Trí Độ Luận dài dòng, kẻ mới học khó nắm bắt được, nên Ngài viết thêm yếu nghĩa, soạn thành hai mươi quyển. Bài văn của sách này ý nghĩa thâm sâu khiến cho học giả bớt phiền toái.

Sau này Hoàn Huyền chinh phạt Ân Trọng Kham. Lúc đại quân đi ngang qua Lô Sơn. Ông muốn mời ngài Tuệ Viễn xuống Hổ khê, Ngài từ chối vì bịnh duyên, Huyền đích thân vào núi. Tả hữu của ông tâu: Trước kia Ân Trọng Kham vào núi đảnh lễ ngài Tuệ Viễn. Hy vọng sau khi vào núi Ngài đừng lễ bái Tuệ Viễn.

Huyền đáp: Sao lại có lẽ này, Ân Trọng Kham là người đã chết rồi.

Cho đến khi vừa gặp ngài Tuệ Viễn ông vội vàng thi lễ và hỏi Ngài. Thân cha mẹ sanh không dám làm tổn thương, sao Đại sư cạo bỏ râu tóc. Ngài đáp: Nhà Nho lập thân nên phải bảo toàn hình tướng, hành đạo trong nhà Phật chỉ bảo toàn tâm tánh. Hoàn Huyền nghe vậy không ngớt khen ngợi. Những điều muốn vấn nạn đang ôm ấp trong lòng nhưng không dám nói gì thêm nữa.

Lát sau ông nói về chuyện chinh phạt, ngài Tuệ Viễn không đáp.

Hoàn Huyền lại hỏi Ngài có lời chúc phước nào không?

Ngài nói: cầu mong cho đàn việt và đối thủ của Ngài bình an vô sự. Hoàn Huyền xuống khỏi núi bảo tả hữu rằng: Thật sự trong đời ta

chưa từng gặp ai như vậy.

Sau khi củng cố được quyền thế xong, Hoàn Huyền muốn kéo Ngài vào để thêm vây cánh, nên viết thư khuyên Ngài phò chánh mà ra làm quan. Song Ngài viết thư từ chối, quả là không thể kéo Ngài ra được, chí muốn vượt lên Đan Thạch song cuối cùng chẳng thể được. Chẳng bao lâu, Hoàn Huyền muốn sa thải tăng chúng. Bảo Liêu thuộc rằng: Trừ những vị Sa-môn có khả năng hoằng dương Phật pháp, trước thuật kinh điển, giảng giải nghĩa lý hoặc giới hạnh nghiêm mật, tu hành nghiêm túc để tuyên dương đạo hoá. Còn những ai trái phạm điều này thì bắt hoàn tục hết. Chỉ trừ Lô Sơn là nơi cư trú của các bậc tu hành, nên không cần kiểm tra.

Tuệ Viễn viết thư cho Hoàn Huyền.:Phật giáo suy đồi, bị ô uế đã lâu. Mỗi lần nghĩ đến điều này khiến tâm tôi bứt rứt vô cùng. Tôi thường nghĩ chẳng phải là ý trời mà do con người gây nên việc trầm luân. Thiết nghĩ thanh lọc những kẻ ấy thật đúng với bổn tâm. Luận về việc thanh trừ Sa-môn tạp nhạp thì cần phải rõ ràng. Người chánh trực sửa đổi còn kẻ bất nhân tự lánh xa. Nếu được như thế thì mệnh lệnh sa thải tăng chúng bê tha sẽ có hiệu lực. Sau đó mới uốn nắn được kẻ tà nguỵ, khiến họ không có cơ hội làm việc cẩu thả mê muội. Những người chân tu cũng không còn bị thế tục hiềm nghi. Từ đó đạo đời được hưng thịnh, ngôi Tam bảo cũng hưng long. Vì văn bản pháp lệnh chưa hoàn chỉnh nên Hoàn Huyền vui mừng tiếp nhậm ý kiến của Ngài.

Xưa Tấn Thành Đế lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi, nên Xung Dữu Băng phụ chánh. Ông cho rằng Sa-môn phải lễ kính nhà vua. Mà quan thượng thư Lịnh Hà Sung, quan bộc xạ Trử Dực, v.v... đều tâu là không nên kính lễ.

Lúc ấy, quan ngự sử trong triều đều tán thành ý kiến Lịnh Hà Sung, v.v... Môn hạ thừa lệnh của Băng mà bác bỏ, phải trái lẫn lộn rốt cuộc chưa phân định được. Cho đến khi Hoàn Huyền trấn thủ tại Cô Thục, muốn lệng cho Sa-môn phải kính lễ hoàng đế nên viết thư gởi Ngài: Sa-môn không kính lễ hoàng đế thì chẳng hợp với thế tình. Đối với lý này lẽ nào chưa rõ. việc lớn của một thời đại không thể khiến cho thể ấy thiếu sót. Hậu cận trao cho tám pho sách, nay trao cho Ngài. Ngài có thể thuật rõ lý do không kính vương giả. Hãy trình bày từng việc làm cho rõ ràng, thiết tưởng Ngài sẽ có cách giải thích để trừ mối nghi của tôi. Tuệ Viễn viết thư trả lời:

Tại sao xưng là Sa-môn? Vì Sa-môn khai mở cho người mê mờ con đường giải thoát, phải quên đi nhân ngã thì sẽ cùng người trong thiên hạ

đắc giải thoát. Khiến cho bậc cao minh cũng như hàng phàm phu đều hy vọng được hương vị đó. Thoảng hoặc, tuy việc lớn chưa thành tựu song xem dấu vết của họ cũng tuyệt đỉnh, sở ngộ của họ ắt cũng to lớn rồi. Lại nữa y ca-sa vốn chẳng phải pháp phục của triều đình, bình bát cũng chẳng phải vật của cung cấm. Sa-môn là bậc xuất trần nên không thể lễ bái bậc vua chúa. Hoàn Huyền tuy kiên giữ ý kiến của mình, nhưng sau khi xem xong thư của Ngài đành phải nhượng bộ.

Thời gian sau Hoàn Huyền soán ngôi, lập tức hạ lệnh: pháp Phật sâu rộng nhiệm mầu chẳng thể lường được. Suy ra sự tình mà phụng chủ thì phải khởi lòng tôn kính. Nay sự việc ấy đã ở trong ta, để biểu thị sự khiêm nhường cung kính từ nay hàng Sa-môn không cần lễ bái quốc vương nữa. Ngài bèn viết một quyển luận Sa-môn bất kính vương giả, gồm có năm thiên. Thiên thứ nhất nói về tại gia: Ở tại gia người dân phụng hành lễ pháp đó chính là thuận với lễ giáo thế gian. Tình thì chưa có phong cách thế tục giống như cách thức trong nước, cho nên có sự ái kính của thiên thuộc, lễ bái của việc phụng chủ. Lễ kính có cội nguồn nên nhân đó mà thành lễ giáo.

Thứ hai xuất gia: Người xuất gia là người đi ngược dòng đời để theo duổi chí nguyện của mình, biến đổi thói tục để đạt được đạo, thay đổi thế tục thì phải theo kinh điển, không được lễ bái theo sách vở thế tục chỉ dạy. Ngược dòng đời thì phải làm phong cách của mình trở nên cao thượng. Những bậc đạo cao đức trọng thì có khả năng cứu bạt, còn những hạng yếu thì sẽ rơi vào dòng nước xoáy.

Chọn lọc huyền căn ở trong nhiều kiếp. Xa thì thông suốt bến tam thừa, gần thì mở con đường cho thiên nhơn. Nếu muốn làm một người đủ vẹn đức, thì đạo hợp lục thân, thấm nhuần thiên hạ. Tuy không ở trong địa vị vương hầu, nhưng đã khế hợp với hoàng cực trong việc nuôi nấng muôn dân. Cho nên trong thì trái với ân trọng của đạo trời, mà không nghịch với đạo hiếu. Ngoài thì thiếu sự cung kính phụng chúa nhưng không mất lòng tôn kính của mình.

Ba là cầu tông chỉ: không thuận phong tục cho là phản bổn. Người cầu tông chỉ không để sự sống làm luỵ đến tinh thần. Người thoát vòng tục luỵ tuy không để tình cảm luỵ đến sự sống của mình. Không để tình làm luỵ đến sự sống thì sự sống ấy cũng có thể diệt. Không để sự sống luỵ đến tinh thần thì tinh thần ấy có thể sáng suốt. Tinh thần sáng suốt siêu tuyệt cảnh trần gọi đó là Niết-bàn. Cho nên Sa-môn tuy chẳng lễ song mọi sự việc cao cả đều không mong chức tước vương hầu, mà thấm nhuần ơn Tuệ của nước nhà. Thứ tư: Lễ cực không bao giờ ứng: Nghĩa

là Như Lai cùng với Chu công, Khổng tử, chỗ mở đầu tuy khác song tướng tiềm tàng thì ảnh hưởng lẫn nhau. Chỗ xuất xứ thì khác, chỗ quy về thì giống nhau. Cho nên nói đạo tuy khác mà chỗ quy thú là một vậy. Điều không nên đó là: Không thể yêu thương tất cả mọi vật.

Thứ năm là: thân hình có tàn hoại song thần thức không mất. Nghĩa là thần thức long đong dong ruổi theo Đông Tây. Đây là đại ý của luận. Từ đó các vị Sa-môn được tự do du hoá khắp nơi. Cho đến khi Hoàn Huyền kéo binh về phương Tây. Tấn An Đế từ Giang Lăng trở về kinh sư, quan phụ trách Hà Vô Kỵ khuyên ngài Tuệ Viễn đến tiếp kiến vua. Song Ngài bảo có bịnh không thể đi được. Vua sai sứ giả đến hỏi, Ngài viết thư đáp: Thích Tuệ Viễn kính lễ. Thời tiết ôn hoà, cầu mong đức vua được thuận nghi. Bần đạo thuở nhỏ mắc bịnh nặng, nay quá niên bịnh càng nguy cấp. Ngưỡng mong từ chiếu rủ lòng xót thương. Cảm được tấm lòng sâu sắc thì thật lấy làm biết ơn. May mắn gặp được khánh hội mà lực bất tòng tâm. Tình này, sự chiếu cố này không biết lấy gì để bày tỏ.

Chiếu đáp: "Dương Trung cảm được sự bệnh hoạn của Ngài chưa khỏi, thâm tình ấy vẫn canh cánh trong lòng.

Tháng trước, ở Giang Lăng phát khởi rất nhiều chuyện không tốt trong đạo. Trong lòng luôn day dứt muốn qua đây để cùng gặp nhau. Pháp sư đã an cư nơi núi rừng, bệnh hoạn lại chưa được thuyên giảm. Xa xăm không trở lại được nữa do đó tăng thêm sự tủi hận trong tôi". Tạ Linh Vận ở Trần quận cậy tài kiêu ngạo ít ai tôn sùng. Cho đến khi được gặp cung kính bái phục. Ngài Tuệ Viễn trong thông lý Phật, ngoài giỏi thơ văn, phàm những môn đồ theo cầu học vị nào cũng tuân hành. Khi Ngài giảng kinh Tang Phục, Lôi Thứ Tông, Tông Bỉnh, v.v... đều chấp quyển thừa chỉ. Thứ Tông sau đó đặc biệt soạn thuật nghĩa sớ. Đầu tiên xưng là họ Lôi, Tông Bỉnh nhân đó gởi thư đến nói rằng: trước kia tôi và túc hạ cùng thọ nghĩa này ở chỗ ngài Tuệ Viễn. Nay lại để ở đầu quyển là Lôi thị. Cách giảng dạy ấy bao gồm cả đạo tục, loại này chẳng phải một. Từ khi ngài Tuệ Viễn dựng chùa dưới chân Lô Sơn cho đến nay hơn ba mươi năm bóng chẳng rời khỏi núi. Vết chẳng vào nhà thế tục. Mỗi khi tiễn khách đi đến Hổ khê thì trở lại. Lúc bấy giờ vào tháng 8 năm thứ 12 Nghĩa hy đời Tấn, thì bắt đầu trở bệnh, đến ngày thứ sáu thì nguy cấp. Chư trưởng lão đại đức đều cầu thỉnh Ngài uống"cổ tửu" Ngài không chịu. Lại thỉnh Ngài uống nước cháo, Ngài lắc đầu. Lại lấy mật hoà với nước để làm tương thỉnh Ngài uống, Ngài bèn bảo luật sư giở sách ra đọc có được uống không, chưa được nửa quyển thì Ngài thọ

tịch. Thọ tám mươi ba tuổi. Môn đồ buồn bả than khóc như đưa tang cha mẹ. Đạo tục lần lượt rủ nhau về. Đối với tình cảm thế gian khó đoạn tuyệt, bèn chế bảy ngày, kéo dài sự thương nhớ. Di chúc dặn rằng hãy phơi xương cốt dưới gốc tùng, chẳng bao lâu thì đệ tử gom lại đem chôn. Thái thú quận Tầm Dương là Đào Khản, xây một ngôi mộ ở phía Tây ngọn núi ấy. Tạ Linh Vận khắc bia nêu di đức của Ngài. Nam Dương Tông Bỉnh lại dựng bia ở cổng chùa. Tuệ Viễn thuở nhỏ rất giỏi văn chương, lời lẽ tao nhã, khi lên pháp toà luận thuyết những nghĩa lý tinh tuý. Thêm vào đó là Ngài có phong cách đoan chánh, thần thái điềm đạm. Cho nên hoạ tượng trong chùa cho khách gần xa chiêm ngưỡng. Những cống hiến của Ngài đủ cả thể loại nào là trước tác, luận, đề tựa, minh, tán, thi, thơ. Kết tập lại khoảng hơn năm mươi thiên, mười quyển. Lưu truyền ở đời vậy.

NGÀI THÍCH TUỆ TRÌ

Chính là em của ngài Tuệ Viễn. Tính cách tựa như ngài Tuệ Viễn. Năm mười bốn tuổi đi học, một ngày học tương đương với người khác mười ngày. Giỏi văn sử, khéo về đồ học. Năm mười tám tuổi xuất gia với anh mình, cả hai đều thờ Pháp sư Đạo An làm thầy. Tham học tất cả kinh điển, bác thông tam tạng. Cùng ở với Đạo An ở Tương Dương, sau đó theo ngài Tuệ Viễn về phương Đông. Ban đầu nghỉ tại chùa Thượng Minh Kinh châu. Sau đó đến Lô Sơn, cũng ở chung với ngài Tuệ Viễn. Thân cao tám thước phong thái ung dung, chân mang dép cỏ, mặc áo nạp. Môn đồ của ngài Tuệ Viễn đều là những bậc anh tài kiệt xuất. Tới lui ba ngàn người đều tôn ngài Tuệ Trì làm bậc Thượng thủ. Ngài có một người cô xuất gia gọi là Đạo Nghi, ở vùng Giang Hạ. Sư cô nghe ở kinh sư Phật pháp hưng thịnh, muốn đến đó để chiêm bái. Ngài Tuệ Trì bèn đưa cô đến kinh đô ở chùa Đông An. Vệ quân Lang Da nhà Tấn là Vương Tuần xem trọng. Lúc bấy giờ có sa-môn Tây vực tên là tăng-già La-xoa, đọc thuộc làu bốn bộ A-hàm. Vương Tuần thỉnh Ngài đọc bộ Trung A-hàm. Ngài Tuệ Trì liền chỉnh sửa lại lời văn. Xét duyệt rõ ràng. Sau này trở về lại Lô Sơn, chẳng bao lâu sau thái thú Phạm Ninh ở Dự Chương thỉnh Ngài giảng Pháp Hoa, Tỳ-đàm. Lúc ấy ở hướng Tây, mây từng lớp vần vũ cả ngàn dặm. Vương Tuần viết thư cho Phạm Ninh nói rằng: Ngài Tuệ Viễn, Tuệ Trì ai hơn. Phạm Ninh đáp thư rằng: Quả

là Thánh huynh Hiền đệ vậy.

Vương Tuần lại viết thư nói: Tìm một người anh như vậy quả thật không dễ huống chi lại có được một người em như thế.

Vương Cung là thứ sử Lang Da ở Duyệt châu. Viết thư gởi Sa-môn Tăng Kiểm nói rằng: Hai anh em Tuệ Viễn và Tuệ Trì đức độ thâm hậu thế nào? Tăng Kiểm đáp: Hai huynh đệ Ngài vẹn toàn mọi mặt từ phong cách đến đạo hạnh. La-thập ở Quan Trung luôn ngưỡng vọng tôn kính. Gởi thư thăm viếng, kết làm thiện hữu. Tuệ Trì sau khi nghe nói ở thành đô đất rộng người đông, Ngài muốn đến đó để truyền bá và giáo hoá đồng thời chiêm bái Nga My, chống tích nơi ngọn Mân Sơn. Lúc ấy vào niên hiệu Long An thứ 3 nhà Tấn, Ngài từ giả Tuệ Viễn vào đất Thục. Ngài Tuệ Viễn tha thiết khuyên Ngài ở lại nhưng Ngài từ chối, Tuệ Viễn than rằng: Con người ai cũng thích sum họp đoàn tụ còn ông thích ở riêng một mình là sao? Tuệ Trì cũng buồn bả đáp: Như người quyến luyến trong cảnh sum vầy thì không phải là người xuất gia. Nay em đã cắt ái tìm đạo, phải lấy Tây phương làm điểm hẹn. Thế rồi anh em gạt lệ bùi ngùi chia tay. Ngài đi đến Kinh châu. Thứ sử Ân Trọng Kham tiếp đãi ân cần. Lúc đó Hoàn Huyền cũng ở đó, ông ta tuy là người thiệp học gặp chuyện thì xuất thần. Thấy ngài Tuệ Trì có những phẩm chất siêu tuyệt như vậy bèn khen rằng: là bậc vô song xưa nay, rất muốn kết giao với Ngài nhưng Tuệ Trì nghi ông ta là người toại ý rồi thì bỏ nên không kết giao. Ân và Hoàn cả hai đều tha thiết giữ Ngài ở lại, nhưng Ngài nhất quyết không đổi ý, gởi thư đến nói với Huyền rằng: tôi muốn ở dưỡng bịnh trên đỉnh Nga My quán sát sự biểu lộ của lưu sa. Không thể cô phụ hoài bảo xuất gia của mình. Rồi bèn gói gém hành trang để lên đường. Hoàn Huyền nhận được thư trong lòng buồn rượi. Biết là kkông thể giữ chân ngài được. Ngài đến nước Thục ở tịnh xá Long Uyên hoằng dương Phật pháp. Cùng kết giao huynh đệ bốn phương làm bạn pháp. Thái sử Mao Cừ hết lòng khâm phục kính nể. Khi ấy Sa-môn Tuệ Nghiễm, Tăng Cung, trước kia được người dân đất Mân Thục kính phục, cho đến khi ngài Tuệ Trì đến thì họ cũng mến mộ, tôn sùng cả hai. Hễ ai lên pháp đường của Ngài Tuệ Trì đều gọi là lên cửa rồng. Tăng Cung thuở nhỏ có khả năng làm tăng chánh ở Thục quận. Ngài Tuệ Nghiễm thông suốt cả ngoại điển lẫn nội kinh nên Mao Cừ rất mực kính trọng. Sau đó ở đất thục, Tiều Túng nhân khởi binh đánh Mao Cừ, chiếm đất Thục của Mao Cừ, rồi xưng là Thành Đô Vương. Bèn triệu tập tăng chúng lập hội ép thỉnh cho được Tuệ Nghiễm. Ngài bất đắc dĩ phải tới. Mao Cừ vốn là người đàn việt lão thành, bổng gặp

binh nạn. Ngài thấy thế sự mà tăng thêm nỗi buồn bả, thế là liền bị Tiều Túng nghi ngờ. Nhơn đó mà Ngài bị hại, cả ấp rối ren, phập phồng lo sợ. Ngài Tuệ Trì lánh nạn ở Bi Trung tự. Túng có người hầu là Đạo Phước, thì hung tàn bạo ngược cùng lắm. Binh tướng lúc vào chùa sách phạt, thì những ai vào đó kể cả người lẫn ngựa đều đẩm máu. Chúng tăng hoảng sợ cùng loạt bỏ chạy. Ngài Tuệ Trì ở trước buồng rửa mặt, thần sắc không đổi. Đạo Phước đi thẳng đến bên ngài Tuệ Trì, Tuệ Trì gảy ngón tay vào chậu nước tỏ vẻ tự nhiên, Đạo Phước hổ thẹn, hoảng toát mồ hôi. Khi ra khỏi cổng chùa ông ta bảo với tả hữu rằng: Là bậc đại nhơn nên khác với chúng. Sau đó nước nhà bình yên, Ngài trở về tịnh xá Long Uyên. Thuyết giảng trai sám, tuổi già mà không biết mỏi mệt. Nhằm niên hiệu Nghĩa hy thứ 8 đời Tấn thì Ngài thọ tịch ở trong chùa. Thọ bảy mươi sáu tuổi. Lúc lâm chung Ngài căn dặn hãy tuân thủ luật nghi và bảo đệ tử: Kinh nói: giới như đất bằng, các điều thiện đều sanh ra từ đó. Các ông trong bốn oai nghi phải hết sức cẩn thận. Lấy kinh sách ở Giang đông trao cho đệ tử Đạo hoằng, lấy pháp điển ở Giang tây phó chúc cho đệ tử Đàm Lang. Hạnh nguyện của Đạo Hoằng thanh cao. Thần ngộ của Đàm Lang do thiên phát. Cả hai vị đều nối gót thầy xiển dương giáo pháp.

THÍCH TUỆ VĨNH

Ngài vốn họ phan người Hà Nội, năm 12 tuổi xuất gia thờ Sa-môn Trúc Đàm Hiện làm thầy. Sau đó tôn thờ Pháp sư Đạo An. Ngài vốn hẹn với Tuệ Viễn xây chùa trên đỉnh La Phù. Song Tuệ Viễn vì ngài Đạo An mà ở lại. Tuệ Vĩnh bèn muốn vân du trên ngũ lãnh trước. Khi Ngài đi qua Tầm Dương, người trong quận là Đào Phạm tha thiết thỉnh Ngài ở lại, thế là Ngài tạm ở lại nơi chùa Tây Lâm ở Lô Sơn. Môn đồ Ngài ngày càng đông. Lại ngài Tuệ Viễn đồng có văn tài. Tuệ Vĩnh là một người liêm khiết, tự tại, lòng ngay thẳng. Lời nói luôn mang tính hàm tiếu và không tổn thương người, đam mê kinh điển, giảng thuyết giỏi giang. Tương rau đạm bạc, áo vải thô sơ trọn cả đời, còn lập riêng một ngôi thảo am trên đỉnh núi. Mỗi khi muốn toạ thiền bèn lên đấy ở. Một hôm có người lên thất Ngài, bèn nghe mùi hương đặc biệt. Trong thất của Ngài thường có một con hổ, có kẻ sợ bèn đuổi nó lên núi. Người kia đi rồi, cọp sau đó trở lại như cũ. Ngài Tuệ Vĩnh có lần ra khỏi

ấp gần hoàng hôn mới trở về núi đến Ô Kiều, doanh chủ Ô Kiều cởi ngựa mà đang say rượu bèn đón đường không cho Ngài đi. Khi ấy trời sắp tối, Ngài từ xa lấy cây trượng chỉ về hướng con ngựa, ngựa hoảng chạy, doanh chủ té xuống đất. Ngài Tuệ Vĩnh đỡ dậy, an ủi và đưa ông ta về doanh trại, nhân đó mà ông phát bịnh. Sáng hôm sau ông đến chùa sám hối, Ngài Tuệ Vĩnh nói: Đó chẳng phải chủ ý của bần đạo, sợ rằng đó là do thần hộ giới làm thôi. Tăng tục hay tin ấy quy tâm rất nhiều. Sau đó Trấn nam tướng quân Hà Vô Kỵ làm trấn thủ Tầm Dương Thích đến Hổ Khê thỉnh ngài Tuệ Vĩnh và Tuệ Viễn. Ngài Tuệ Viễn từ lâu vốn nổi tiếng là bậc anh tài phong nhã. Học chúng theo Ngài hơn cả trăm vị, đều là những bậc đoan chánh có phong độ, đồng thời có tài văn chương hoa mỹ, cử động khả quan. Ngài Tuệ Vĩnh điềm nhiên trở về rồi vội vả ra đi, áo vải, dép cỏ, cầm tích trượng, ôm bình bát mà thần khí ung dung, thanh thản. Chúng tăng đều kính trọng tính liêm khiết của Ngài, nên họ sửa đổi tánh tình rất nhiều. Ngài Tuệ Viễn thuở nhỏ đối với cao hạnh của ngài Tuệ Vĩnh đã nhường cho Ngài mà tự mình lui về phía sau. Điều đó thể hiện sự khiêm nhường, cung kính để mongphước ngầm. Tuệ Vĩnh chuyên tinh tu niệm, cầu sanh Tây phương. Lúc ấy nhằm niên hiệu Nghĩa Hy thứ 10 đời Tấn, Ngài lâm trọng bịnh, mà vẫn nghiêm trì giới luật, ý chí càng kiên cố. Tuy thân xác đau đớn vì bịnh nặng nhưng nét mặt vẫn vui vẻ. Chẳng bao lâu sau Ngài vội sửa y chắp tay, tìm dép muốn đứng dậy, dường như nhìn thấy điều gì, đại chúng ngạc nhiên hỏi Ngài, Ngài đáp: Phật đến, nói xong liền thác hoá. Thọ tám mươi ba tuổi, kẻ tục người đạo ở trong núi đều ngửi thấy mùi thơm lạ, bảy ngày sau mới hết. Khi ấy trên Lô Sơn có một vị tăng hiệu Thích Tăng Dũng cũng siêng năng khổ luyện có thể hàng phục được ma quỷ.

THÍCH TĂNG TẾ

Chưa rõ người xứ nào, vào đời Tấn niên hiệu Thái nguyên Ngài đến Lô Sơn theo ngài Tuệ Viễn cầu học. Các kinh đại tiểu thừa và những sách vở ngoại điển đều thành thạo. Thông suốt và nắm vững yếu nghĩa của nó. Đầu năm đến đây nhân tiện ra khỏi ấp mở lịch giảng mà chẳng thấy ai là người kiệt xuất. Ngài Tuệ Viễn thường nói: Người cùng hoằng dương Phật pháp với tôi chính là ông. Về sau Ngài trụ tại núi không bao lâu sau thì gặp phải bạo bệnh. Lúc ấy Ngài muốn biết

Tây phương nên quán tưởng Phật Di-đà. Ngài Tuệ Viễn bèn trao cho ngài Tăng Tế một cây đuốc và nói: Ông có thể lập tâm nơi an dưỡng, tranh thủ trong từng thời khắc. Ngài Tăng Tế cầm cây đuốc nhân cơ hội này mà vọng tưởng bất loạn. Lại thỉnh chúng tăng ban đêm vân tập lại đọc kinh Di-đà, đến giữa canh năm thì Ngài lấy đuốc trao cho bạn đồng học, bảo tăng chúng đi ra, Ngài tạm nghỉ, mộng thấy mình cầm cây đuốc nương hư không mà đi. Thấy Phật Di-đà nắm tay mình dắt đến khắp cõi nước mười phương, bất giác tỉnh dậy kể tường tận cho người thị giả nuôi bịnh, rồi bảo thôi đừng buồn đừng an ủi, hãy tự quán sát tứ đại hoàn toàn không có bịnh khổ, đến đêm sau thì bổng nhiên tìm dép đứng dậy, mắt ngước nhìn hư không như thấy một điều gì, giây lát trở vào phòng nằm, nhan sắc vẫn tươi tỉnh. Nhân đó bảo người bên cạnh rằng: Ta đi đây! Thế rồi Ngài trở mình xoay qua bên phải đồng thời trút hơi thở cuối cùng, thọ bốn mươi lăm tuổi.

THÍCH PHÁP AN

Ngài tên làTừ Khâm, chưa rõ người thuộc xứ nào, là đệ tử của tổ Tuệ Viễn. Khéo trì giới luật, giảng nói các kinh đồng thời tu tập thiền định. Có tài giáo hoá kẻ mê muội khiến họ dứt tà quay về nẻo chánh.

Vào niêu hiệu Nghĩa hy đời Tấn ở huyện Tân Dương có nạn hổ. Trong huyện có lập một miếu thờ thần dưới gốc đại thọ. Cư dân ở quanh đó vài trăm. Mỗi đêm có vài ba người chết vì nạn hổ. Có lần Ngài đi du hoá đến huyện ấy gặp lúc trời về chiều tối, Ngài đành tá túc dưới gốc cây này. Vì cư dân trong lòng sợ hổ nên họ đóng cửa sớm. Ngài Pháp An toạ thiền suốt đêm dưới gốc cây. Lúc đó khoảng chạng vạng Ngài nghe tiếng hổ vác xác người đến để ở hướng Bắc của gốc cây. Nó thấy Ngài vừa mừng vừa sợ rồi chạy đến phủ phục trước Ngài. Ngài thuyết pháp và truyền giới xong, nó bèn quỳ im nơi đó, lát sau thì bỏ đi. Sáng hôm sau người trong làng theo dấu hổ tìm đến gốc cây thấy ngài Pháp An thì hết sức kinh ngạc, cho rằng đây là thần. Bèn truyền chuyện này khắp cả huyện, quan dân đều tôn sùng Ngài. Từ đấy trở đi nạn hổ chấm dứt. Nhân đó đổi miếu thần, cho Ngài làm chùa. Ruộng đất quang vùng đều bỏ ra làm ruộng chùa. Sau đó Ngài muốn họa một bức tượng bằng đồng xanh nhưng ngặt nổi không có đồng. Trong đêm Ngài mộng thấy có người đến bên giường Ngài nói: Dưới đây có chuông đồng. Tỉnh dậy

Ngài đào lên được hai cái, Ngài lấy chất màu xanh hoạ tượng và lấy đồng cho ngài Tuệ Viễn đúc tượng Phật. Còn một cái sau này quan thái thú ở Vũ Xương tên là Năng Vô Hoạn mượn xem rồi giữ luôn. Ngài Pháp An sau này không biết thị tịch ở đâu.

THÍCH ĐÀM UNG

Ngài họ Dương người ở Quan Trung, thiếu thời làm vệ tướng quân cho Nguỵ Tần Vương. Thân cao tám thước, uy vũ hơn người. Vào niên hiệu Thái Nguyên thứ 8 Ngài theo Phù Kiên đi chinh chiến ở phương Nam. Vì quân Tấn thất bại nên trở về Trường An. Từ đó theo ngài Đạo An xuất gia. Khi ngài Đạo An qua đời, Ngài tìm đến Lô Sơn bái Tổ Tuệ Viễn làm thầy. Nội kinh ngoại điển Ngài đều thông suốt. Chí nguyện hoằng pháp không nại lao khổ. Sau đó giúp Ngài Tuệ Viễn vào Quan Trung gởi thư cho ngài La-thập. Ngài làm sứ giả hơn mười mấy năm. Làm vang dội muôn nơi, làm chấn động núi rừng, dũng mãnh quả cảm, ngay thẳng không khuất. Ở kinh sư lập đạo tràng, Tăng Giám chọn ra những vị có đức độ, tài năng. Ngài được thỉnh về Dương châu. Ngài không chịu đi vì tuổi của thầy đã cao.

Song những bậc kỳ túc bên cạnh ngài Tuệ Viễn còn rất nhiều. Sợ sau này không còn từ tạ nhau nữa, vì một chút cớ nhỏ mà đuổi Ngài đi. Đàm Ung vâng lời ra khỏi núi mà lòng không hề oán giận. Ngài đi về hướng Tây nam của núi lập một ngôi thảo am. Cùng với đệ tử Đàm Quả tu tập thiền định. Có lần Đàm Quả mộng thấy một vị thần núi đến cầu thọ ngũ giới. Quả nói: Thầy ta ở đây có thể đến chỗ Ngài cầu thọ. Ít lâu sau Ngài thấy một người mặc áo đơn đội mũ, tư thái phong nhã, có khoảng hai mươi người tuỳ tùng đến thỉnh Ngài truyền năm giới. Ngài Đàm Ung đoán mộng trước biết được đó là thần núi. Bèn truyền giới thuyết pháp cho họ. Thần tặng cho Ngài một chiếc muỗng ngoại quốc, lễ bái rồi cáo từ. Thoáng chốc biến mất. Đến ngày ngài Tuệ Viễn thị tịch, Ngài vội vã trở về, đau buồn thống thiết làm cảm động trời xanh. Sau đó về Kinh châu và thị tịch ở chùa Trúc Lâm.

NGÀI ĐẠO TỔ

Ngài là người nước Ngô, thiếu thời xuất gia làm đệ tử của Chi Pháp Tế chùa Đài. Tuy tuổi còn nhỏ mà đã có tài năng, chăm học. Sau đó cùng với những người cùng chí nguyện như Tăng Thiên, Đạo Lưu, v.v... vào Lô Sơn, bảy năm ở trong núi thọ trì học giới, tuỳ theo khả năng hành trì của mỗi người mà ngày càng tiến bộ. Ngài Tuệ Viễn nói với các vị ấy có sở ngộ dị thường. Nếu như ai cũng được như các ông này thì hậu sanh không còn gì lo nữa. Tăng Thiên và Đạo Lưu, v.v... cùng với hai mươi tám người đều qua đời. Ngài Tuệ Viễn than rằng: các ông này đều là những kẻ tài ba xuất chúng, đỉnh ngộ hơn người, ta cứ dằng dặc thương nhớ không nguôi. Đạo Lưu lúc soạn lại các mục lục các kinh chưa xong, thì ngài Đạo Tổ đã làm xong rồi. Nay lưu hành ở đời. Đạo Tổ sau đó trở về kinh sư ở chùa Ngoã Cung giảng thuyết chánh pháp, Hoàn Huyền thường đến đó xem nghe, rồi nói với mọi người rằng: Đạo Tổ sau này sẽ phát hơn ngài Tuệ Viễn nhưng tài hiểu biết sâu rộng về đạo nho thì không bằng. Cho đến khi Hoàn Huyền làm phụ chánh muốn khiến các vị Sa-môn phải kính vua chúa. Đạo Tổ bèn từ giả trở về Đài Tự ở nước Ngô. Chẳng bao lâu Hoàn Huyền soán ngôi, ra lệnh đưa Ngài về kinh sư. Đạo Tổ mượn cớ bịnh không chịu đi. Thế là Ngài bắt đầu dứt hẳn mối quan hệ với thế sự, thuyết pháp giảng đạo trọn ngày. Ngài thị tịch vào năm đầu niên hiệu Nguyên hy đời Tấn, thọ bảy mươi hai tuổi.

Ngài Tuệ Viễn có người đệ tử tên là Tuệ Yếu, cũng giỏi kinh luật và khéo léo, tuyệt luân. Ở trong núi không có đồng hồ cát, Ngài bèn đến bờ suối lặt mười hai chiếc lá phù dung. Vì để chúng trôi theo dòng sông để định mười hai giờ. Đồng hồ đo bóng mặt trời đúng y như thế. Ngài cũng từng làm con Mộc Diên(diều hâu gỗ) bay mấy trăm bước.

Ngài Tuệ Viễn cũng có vị đệ tử Đàm Thuận, Đàm Tiên đều là bậc tài cao học giỏi. Đàm Thuận vốn là người Huỳnh Long, thuở nhỏ theo cầu học nơi ngài La-thập, sau đó đến y chỉ ngài Tuệ Viễn làm thầy, sư vốn là bậc thiểu dục có đức hạnh. Lưu Tuân làm hiệu uý xứ Nam Loan lập chùa Trúc Lâm ở Giang Lăng. Thỉnh kinh về trước, Tổ Tuệ Viễn phái Ngài đi theo.

Đàm Tiên cũng là bậc thanh nhã có phong độ, chú giải kinh Duy-ma và trước tác bộ cùng thông luận, v.v... còn có hơn cả trăm vị như Pháp U, Đạo Hằng, Đạo Thọ....hoặc nghĩa giải thâm minh, hoặc cứu giúp các vật, hoặc giới hạnh thanh cao, hoặc thiền định cao siêu đều là những bậc làm nổi tiếng đương thời, truyền mãi đến hôm nay.

THÍCH TĂNG KHẾ

Ngài vốn họ Phó, người xứ Tầm Dương đất Bắc. Là con trưởng của Lệnh Hà Chi làm lang trung ở Hà Giang đời Tấn. Thuở thiếu thời đi xuất gia làm đệ tử của Pháp sư Hoằng Giác ở chùa Trường An Đại. Hoằng Giác cũng một thời là bậc kiệt xuất trong Phật pháp. Tăng Khế ban đầu theo Ngài thọ học. Sau đó đến Thanh Ty, Phiền Miện học thông lục kinh vàtam tạng. Giới lục hành trì rất nghiêm mật, có khả năng làm chấn hưng Phật pháp. Diêu Tràng, Diêu Hưng ban đầu còn làm kẻ bình thường vốn đã tôn kính Ngài. Cho đến khi chiếm được Quan Trung càng tỏ lòng tôn kính sâu hơn. Diêu Hưng đã sùng tín Tam bảo lại càng nổ lực xiển dương hoằng hoá, lập hội thiết trai, hương khói tầng tầng lớp lớp, khiến cho những bậc mộ đạo xuất gia phân nửa. Từ khi ngài La-thập vào Quan Trung, những học tăng theo ngài Tuệ Viễn đã tụ tập lại, hoặc có những vị còn vướng nhiều lầm lỗi. Diêu Hưng nói: Những học tăng còn là phàm phu chưa chứng quả, gặp cảnh trái nghịch sao không mắc lỗi được, đã có lỗi mà không biết khắc phục thì lỗi ấy càng nhiều, phải lập Tăng chủ để thanh trừ những tệ nạn đó. Nhân sự kiện ấy ông ban chiếu rằng: Từ khi Phật pháp truyền sang Trung Quốc đến nay, các vị tăng theo học càng nhiều. Cần phải có kỷ cương và truyền trao quy luật để cứu lấy mầm mống suy đồi. Pháp sư Tăng Khế tuổi nhỏ tài cao, mà lão luyện về giới đức, có thể làm Tăng chủ trong nước. Pháp sư Tăng Thiên thiền tuệ song tu có thể làm Duyệt chúng. Pháp Khâm, Tuệ Bân cùng giữ chức Tăng lục, cấp cho xa dư sứ lực. Tăng Khê thì ban thị trung trật truyền chiếu dương xa, mỗi vị hai người. Tăng Thiên, v.v... đều có sự trợ cấp hậu hỉ. Những người cộng sự trung thực, tiết kiệm rất hài lòng Ngài. Năm chúng trang nghiêm, sáu thời không mỏi mệt, đến niên hiệu Hoằng thỉ thứ bảy sắc phong thêm những người thân tín để theo phụ tá, mỗi vị có ba mươi người. Tăng Chánh chấn hưng, Tăng Khê là người khởi đầu. Ngài Tăng Khế đích thân đi bộ còn xe kiệu được dành cho người già yếu tật bịnh. Những chỗ được cung cấp thường dùng rất nhiều. Tuy tuổi đã cao mà Ngài giảng thuyết kinh luật không biết mệt mỏi. Vào cuối niên hiệu Hoằng thỉ thì Ngài qua đời ở Trường An đại tự. Thọ bảy mươi ba tuổi.

THÍCH ĐẠO DUNG

Ngài ở vùng Lâm Lự Cấp Quận, mười hai tuổi xuất gia. Vì được thầy yêu mến phong cách của Ngài nên cho phép ra ngoài đi học. Có lần Ngài vào xóm mượn quyển Luận ngữ, song cuối cùng không đem về, vì Ngài đã đọc thuộc tại nhà họ rồi. Vị thầy mượn lại quyển đó rồi úp lại bắt Ngài đọc không sót một chữ. Thầy khen và rất yêu mến. Bấy giờ Ngài được phép tuỳ tiện du học. Cho đến lúc trưởng thành thì thành người tài ba lỗi lạc. Ngoại điển nội kinh đều am hiểu tường tận. Khi hay tin ngài La-thập ở Quan Trung thì Ngài tìm đến đó để cầu học. La-thập thấy được con người lạ thường ấy bèn bảo vua Diêu Hưng rằng: Hôm qua tôi gặp Đạo Dung, ông ta là một Thích tử thông minh, kỳ đặc. Diêu Hưng đến thăm và hết sức kính trọng đồng thời cho mời Ngài vào vườn Tiêu Dao để tham chánh việc phiên dịch. Nhân đó thỉnh ngài La-thập dịch bộ Bồ-tát giới bổn đến nay còn lưu hành ở đời. Sau khi Ngài dịch Trung luận mới được hai quyển. Đạo Dung bèn giảng giải, phân tích văn ngôn để cho ý văn xuyên suốt và thâu tóm trọn bộ. Thầy La-thật bảo Đạo Dung giảng Tân Pháp Hoa. Thầy La-thập đích thân nghe giảng rồi khen rằng: Sự hưng thịnh của Phật pháp là ở chính con người này. Thời gian sau đó không lâu ở nước Sư Tử có một vị Bà-la-môn thông minh bác học. Sách vở ở phía Tây khan hiếm không đủ để đọc tụng. Và ông làm giáo chủ của ngoại đạo ở nước kia. Nghe tin ngài La-thập hoằng bá Phật pháp ở Quan Trung. Ông bảo với đồ chúng của mình rằng: Đâu thể để tiếng tăm của họ Thích độc truyền ở Chấn Đán. Mà chánh hoá của đạo chúng ta lẽ nào không thích ứng với nước ấy sao. Thế là ông cưỡi lạc đà cõng sách vở vào Trường An. Vua Diêu Hưng thấy bộ dạng của ông bèn lánh mặt, song cũng hơi nghi ngờ về con người ấy. Bà-la-môn bèn tâu vua Diêu Hưng rằng: Đạo lớn của tôi nơi nào cũng phục tùng. Hôm nay xin cùng tranh biện với chư tăng nước Tần để so tài, hễ bên nào thắng thì được quyền truyền bá. Vua Diêu Hưng bằng lòng. Lúc bấy giờ tăng chúng ở Quan Trung tự xét thấy sở đoản của mình nên chẳng ai dám đảm đương. Ngài La-thập bảo Đạo Dung rằng: Tên ngoại đạo này là người thông minh tuyệt luân, đấu khẩu ắt sẽ thắng. Nếu để đạo cả vô thượng bị khất phục bởi những môn đồ ta thì quả đáng thương, còn nếu để cho ngoại đạo đắc chí thì bánh xe pháp sẽ ngừng quay, đâu thể như vậy. Theo ta thấy thì ông là duy nhất làm người người được, Đạo Dung tự xét tài năng của ngoại đạo Ngài chưa đọc hết. Ngài liền mật sai người ghi lại những mục kinh mà Bà-la-môn đã đọc. Khi Ngài

được tư liệu ấy thì đọc thuộc làu. Vài hôm sau đến ngày nghị luận. Vua Diêu Hưng đích thân ra đề. Công hầu, khanh tướng đều tề tựu trong phủ. Tăng chúng Quan Trung xa gần đều câu hội về đông đủ. Ngài Đạo Dung tranh biện với Bà-la-môn. Với những ngôn từ sắc bén lời lẽ đầy sức thuyết phục, nhà ngoại đạo kia không biện nổi. Ông ta tự biết tài năng của mình không so nổi, mà còn đem sở học ra khoe khoang. Đạo Dung bèn liệt kê những sách vở mà ông đã học đồng thời kể những bộ loại, danh mục sử sách nước Tần, nhiều gấp bội so với ông. La-thập nhân cười nhạo rằng: Ông không nghe sở học uyên bác của Đại Tần mà khinh suất từ xa đến đây. Bà-la-môn cảm thấy hối hận và quỳ lạy ngài Đạo Dung. Trong mấy ngày sau không ai biết ông ta đi đâu. Câu chuyện này, hiển bày tài năng tuyệt quần của Đạo Dung vậy. Sau đó Ngài trở về Bành Thành và giảng thuyết liên tục. Có cả ngàn người đến nghe Ngài giảng pháp. Môn đồ theo Ngài học khoảng vài ba trăm. Tánh không suồng sã, bởn cợt, Ngài thường lên lầu để vui đùa ân cần chỉ dạy xong thì bảo họ hoằng pháp. Sau đó Ngài mất ở Bành Thành. Thọ bảy mươi bốn tuổi. Những trước tác của Ngài gồm có: Ngiã sớ Pháp Hoa Đại phẩm Duy-ma v.v... những tác phẩm ấy còn lưu truyền ở đời.

NGÀI ĐÀM ẢNH

Có thuyết nói Ngài là người phương Bắc nhưng không rõ thuộc quận huyện nào. Tánh tình trầm lặng không thích giao du, mà an bần chịu khó học tập, cử chỉ thanh thoát, cử chỉ dường như chậm chạp mà thần khí nhạy bén. Tính trái với tướng. Có tài giảng kinh Pháp Hoa và Quang Tán Bát-nhã. Mỗi khi bánh xe pháp chuyển thì đạo tục kéo đến cả ngàn người. Sau đó Ngài vào Quan Trung, vua Diêu Hưng tiếp đãi long trọng. Cho đến khi ngài La-thập đến Trường An thì ngài Đàm Ảnh đến y chỉ. Ngài La-thập bảo Diêu Hưng rằng: Tôi xem Đàm Ảnh là một vị tăng có đạo hạnh chuẩn mực. Diêu Hưng, do đó mời Ngài vào Tiêu Diêu viên hỗ trợ việc dịch kinh với ngài La-thập. Lúc vừa dịch xong bộ Thành Thật luận thì Ngài vấn đáp thứ tự lặp đi lặp lại. Đàm Ảnh hận vì lời văn rời rạc của mình, bèn viết thành năm phen, cuối cùng đem trình ngài La-thập. La-thập nói: tốt lắm, thật đúng ý ta. Sau đó ngài La-thập dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì ngài Đàm Ảnh tận tâm hiệu đính bộ này, và viết bốn quyển nghĩa sớ kinh Pháp Hoa, đồng thời chú thích bộ

Trung Luận. Sau đó, Ngài đến sơn lâm ẩn tu, hầu mong giữ gìn khí tiết, nỗ lực tu hành, càng già tinh thần càng sung súc. Ngài thị tịch vào năm bảy mươi tuổi nhằm niên hiệu Nghĩa hy đời Tấn.

NGÀI TĂNG DUỆ

Ngài ở Trường Lạc, Ngụy quận, xuất gia từ thuở nhỏ. Đến năm mười tám tuổi làm đệ tử của Pháp sư Tăng Hiền, bản tính khiêm tốn, thật thà, hiếu học và biết quý thời giờ. Nên đến năm hai mươi hai tuổi bác thông kinh luận. Có lần Pháp sư Tăng Lãng giảng kinh Phóng Quang, Tăng Duệ thường nêu câu hỏi để chất vấn. Vì vậy Tăng Lãng bảo Tăng Hiền: Tăng Duệ đồ đệ của huynh thật thông minh. Chú ấy đặt ra nhiều câu chất vấn, tôi suy nghĩ nhiều lần mà vẫn không thông, có thể gọi đệ tử bậc hiền của huynh vậy. Đến năm hai mươi bốn tuổi, xuất ngoại du phương cầu đạo, đi khắp nơi giảng thuyết. Kết bạn tri âm nhiều vô số. Và thường than rằng: Phật pháp tuy ít nhưng đủ biết nhân quả. Thiền pháp chưa truyền thì không có đất để gởi tâm. Sau này Ngài La-thập vào Quan Trung. Nhân đó Ngài thỉnh thầy La-thập dịch ba quyển Thiền pháp yếu. Đầu tiên do ngài Cưu-ma La-đà trước tác. Sau cùng là do ngài Mã Minh giảng thuyết. Bộ giữa là do các vị Thánh tăng ngoại quốc cùng soạn. Cũng gọi là Bồ-tát Thiền. Khi Ngài được sách ấy, đêm ngày nỗ lực tu tập, tinh luyện năm môn, khéo vào lục tịnh. Ngụy tư đồ công Diêu Hưng càng tỏ lòng quý kính ngài. Diêu Hưng hỏi Sùng rằng Tăng Duệ là người thế nào?

Sùng đáp: Tăng Duệ là bậc tùng bá của Nghiệp Vệ. Dao Hưng cho mời đến yết kiến. Công khanh đều vân tập vì muốn nhìn thấy tài khí của Ngài. Phong cách lịch sự, nói năng nhã nhặn. Vua Dao Hưng rất đổi vui mừng, bèn ban cho kẻ hầu cận và xe cộ. Sau đó ông còn nói với Dao Sùng rằng Ngài là vị thủ lãnh đồng thời là ngọn cờ tiêu biểu của bốn bể, đâu chỉ là tùng bá của đất Nghiệp Vệ. Bấy giờ thanh danh của Ngài vang khắp nơi. Đạo tục xa gần quy về nương tựa oai đức của Ngài. Những kinh điển ngài La-thập dịch, Ngài đều nhuận sắc. Thuở xưa, ngài Trúc Pháp Hộ soạn quyển Chánh Pháp Hoa Kinh, phẩm Thọ Quyết nói: Trời thấy người, người thấy trời. La-thập dịch đến câu này bèn nói: Lời này giống với nghĩa ở Tây Vực, nhưng lời này quá mộc mạc. Ngài Tăng Duệ nói: Há chẳng phải trời người giao tiếp mà cả hai

cùng thấy nhau? La-thập vui mừng nói: Thật vậy! Điều ông lãnh ngộ nêu ra chính là ý này vậy. Sau khi dịch xong quyển Thành Thật Luận, Ngài bảo Tăng Duệ giảng và nói rằng: Luận này có bảy chỗ để bẻ gãy lời văn Tỳ-đàm, mà chỉ tại văn luận phân biệt không rõ. Nếu không cần hỏi ta mà có thể phân biệt được bảy chỗ đó thì mới gọi là anh tài. Đến khi ngài Tăng Duệ đề xuất ra bảy chỗ vi tế đó quả đúng như điều ngài La-thập nói, đồng thời khế hợp huyền mệnh nên ngài La-thập khen rằng: Ta chuyên dịch kinh điển, được gặp gỡ ông quả thật không còn gì hối hận. Ngài Tăng Duệ viết rất nhiều bài tựa cho các bộ kinh luận do ngài La-thập dịch như Đại Tiểu Phẩm Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, Tự Tại Vương, Thiền Kinh, những tác phẩm đó đều truyền ở đời. Ngài lúc đầu khéo nhiếp oai nghi, hoằng dương kinh pháp, thường luôn hướng về pháp môn cầu vãng sanh Tây Phương. Mỗi khi đi đứng nằm ngồi không dám xoay lưng về Tây phương. Khi biết mạng sắp tận, Ngài nhóm chúng cáo biệt và bảo rằng: Bình sanh ta thệ nguyện vãng sanh Tây phương. Như những điều ta đã thấy thì đáng được sanh Tây phương, biết chắc chắn tránh khỏi sự hồ nghi vì ba nghiệp của ta không trái pha-m giới luật. Nguyện đức Đại Từ dũ lòng thương xót làm bạn pháp muôn kiếp. Thế rồi Ngài vào phòng tắm rửa, rồi dâng hương lễ bái, chắp tay hướng về Tây mà thị tịch. Ngày đó, cả chùa đều thấy khói hương năm sắc xông lên từ phòng Ngài. Thọ sáu mươi bảy tuổi. Khi ấy có Sa-môn Tăng Khải là bạn học của Ngài cũng đang nổi tiếng.

THÍCH ĐẠO HẰNG

Ngài là người Lam Điền. Lúc chín tuổi khi đang vui chơi ở giữa đường, được đạo sĩ Trương Trung tiên đoán rằng: Chú bé này có tướng của bậc đại nhân. Ở thế tục thì sẽ làm đến bậc tể tướng, còn xuất gia là sẽ làm bậc cao tăng làm Phật pháp xán lạn, hận vì ta đã già, không còn thấy được cậu nữa. Đạo Hằng mồ côi cha mẹ từ lúc nhỏ, phụng dưỡng mẹ kế bằng lòng chí hiếu, nhà nghèo không cơm gạo, Ngài thường vẽ tranh bán để phụng dưỡng mẹ. Đồng thời hiếu học kinh điển. Đến năm hai mươi tuổi mẹ kế qua đời. Ngài lo ma chay và chịu tang xong thì xuất gia. Ngài nghiên tầm trong lý Phật và thông suốt rất nhiều bộ. Thông thạo cả nội lẫn ngoại điển. Khi ngài La-thập vào Quan Trung, Ngài liền đến tham vấn và tham gia phiên dịch. Ngài La-thập rất mến Ngài.

Cho đến khi dịch ra các bộ kinh và trợ giúp phán định rõ ràng. Lúc ấy Đạo Hằng có bạn học là Đạo Tiêu cũng có tài năng, nổi danh một thời, ngang hàng với Đạo Hằng.

Tần chủ Diêu Hưng biết hai vị này tài trí hơn người nên danh vang khắp Trường An. Bèn ra lệnh Ngụy thượng thư sai Dao Hiển tìm cách ép hai vị hoàn tục để phò trợ vương nghiệp. Vua cũng thường viết thư cho hai Ngài và nói: Các khanh rõ ràng là bậc tiết tháo, thật sự đáng mừng. Nhưng vua trị vì thiên hạ cần phải có người tài. Nay ra lệnh thượng thư Dao Hiển đến bắt các Ngài bỏ pháp phục để phò tá, cứu vãn thời thế. Nếu tâm còn giữ đạo vị thì đâu lẫn lộn phải trái. Các Ngài đừng vì thủ tiết mà từ chối. Hai Ngài đáp thư: Tôi phụng chiếu ngày hai mươi tháng trước, bảo tước lấy pháp phục của huynh đệ tôi, vâng mệnh thương xót năm tình thất thủ. Tài trí của tôi hèn mọn, nhiễm pháp chưa sâu, nguyện giữ mãi pháp phục này cho đến trọn đời, để tu học Phật pháp không dám bàn đến thế sự. Chỉ phế bỏ nghiệp vô thường, không bao giờ có công gì đặc biệt. Thuở xưa Quan Vũ còn mặc tình đối xử khắc khe. Ngụy Văn Dung thao túng Quản Ninh. Hoặc cao tâm chí trọng, cũng chỉ là chí mọn của kẻ tầm thường, huống chi bệ hạ là bậc lấy đạo an dân và hoằng dương Tam bảo. Nguyện nhỏ nhoi này mong thánh thượng rủ lòng thương xót cho. Dao Hưng lại viết thư nhờ ngài La-thập và Tăng Khế rằng: Từ lúc giả biệt hai thầy đã mấy tuần, mà lúc nào cũng hoài tưởng, sức khoẻ các Ngài dạo này tốt cả chứ? Bọn giặc dã ở phương xa nổi loạn khắp nơi, vạn chuyện cấp bách cần phải có bậc tài giỏi để lo liệu. Mới đây trẫm hạ chiếu mời hai vị Đạo Hằng và Đạo Tiêu, khiến Thích La-hán mang pháp phục theo vết của đại sĩ thì đạo nơi nào chẳng tồn tại, mong Pháp sư giúp trẫm khuyên dùm. La-thập, Tăng Khế đáp: Bởi nghe Thánh thượng chăn dân bằng đạo, nhưng muốn trọn vẹn thì Ngài phải lấy đức của mình để trị thiên hạ. Bởi những bậc minh chủ thuở xưa xét thấy nếu trái tánh thì khó mà ngự vững. Hiểu được việc nhậm vật có nhiều nhân. Cho nên vua Nghiêu thả Hứa Do nơi Kỳ Sơn, Lăng Nhượng bẻ gậy nơi nước Ngụy. Cao Tổ thả Tứ Hạo ở Chung Nam. Thúc Độ từ giả Bồ Luân nơi Hán Khâu. Bởi theo lẽ phóng thích hiền để được hiền. Hôm nay Đạo Hằng và Đạo Tiêu tài đức chẳng trọn vẹn, bổn phận phải thủ tiết, học thêm pháp mầu để phục hưng Phật pháp. Còn phải phô diễn diệu điển nghiên cứu lý nhiệm màu. Tài đức ấy đủ để khai ngộ kẻ đồng ấu trợ hóa công đức. Ngưỡng mong bệ hạ thi ân bỏ chuyện đã qua, để họ tự do với nguyện vọng sau cùng của mình vậy. Dao Hưng nhiều lần gởi thư nói, cả nước cứu giúp cuối cùng hai Ngài

cũng được tránh khỏi. Ngài Đạo Hằng bèn than rằng: Người xưa có câu: Người cầu tài để lợi mình thì tổn thần khí của mình. Người cầu nổi tiếng cho mình tự giết thân mình. Thế là Ngài vào sơn cốc ẩn tu, ăn rau dại uống nước suối, mặc áo đơn sơ, tuyệt giao với đời chuyên tu thiền định. Rồi nhập tịch ở trong núi vào niên hiệu Nghĩa hy thứ 30 đời Tấn thọ bảy mươi hai tuổi. Ngài Đạo Hằng có trước tác bộ Thích Báo Luận và Bách Hành Châm. Ngài Đạo Tiêu viết hai quyển Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm và Điếu Vương Kiều Văn, đều còn lưu hành ở đời.

NGÀI TĂNG TRIỆU

Ngài vốn là người Kinh Triệu, vì nhà nghèo nên Ngài thuở nhỏ phải đi viết mướn để sinh sống. Vì có tài viết lách rất giỏi nên đã xem duyệt đọc hết mọi kinh sử, thông hiểu kinh thư cổ điển, ái mộ huyền vi học thuật. Thường lấy Lão Trang làm tâm yếu. Có lần đọc chươngĐạo Đức Kinh của Lão Trang bèn khen rằng hay thì hay thật nhưng mong tìm chỗ để tấm thân nương tựa thì mờ mịt. Như thế thì chưa gọi là toàn mỹ. Sau đó xem quyển Cựu Duy-ma kinh vui mừng biểu lộ sự hài lòng. Bèn nói: Mới biết đây là chỗ quay về, nhân đó liền xuất gia. Học thạo các bộ Phương Đẳng và thông cả ba tạng. Cho dù tuổi mới hai mươi mà danh tiếng vang dội vùng Quan Trung. Vì tuổi còn nhỏ mà danh tiếng đã vang lừng nên có kẻ ganh tị tìm đến Trường An cùng tranh biện với Ngài. Tuy tuổi còn nhỏ, nhưng tư tưởng lại cao thâm cùng biện tài hùng hồn, thừa cơ hội đó Ngài làm tinh thần họ nhụt chí. Lúc ấy Trường An là chốn anh tài hội tụ, điều đó đã giúp thêm cho sự hùng biện của mình đã làm họ thất bại xiểng liểng.

Sau đó ngài La-thập đến Cô Tạng, ngài Tăng Triệu không quản đường xá xa xôi mà lặn lội tìm đến đó tu học. Ngài La-thập thường khen ngợi là bậc tuyệt vời. Đến lúc La-thập vào Trường An, Tăng Triệu cùng theo Ngài về. Dao Hưng ra lệnh mời Tăng Triệu và Tăng Duệ vào Tiêu Diêu Viên phụ giúp ngài La-thập trong việc phiên dịch kinh luận. Vì văn nghĩa của các bậc Thánh thuở xưa rất tối nghĩa đồng thời những bản dịch cũ có nhiều chỗ sai lầm, nên Ngài tham vấn ngài La-thập, nhờ đó mà Ngài hiểu ra rất nhiều vấn đề. Sau khi dịch xong bộ Đại Phẩm Bát-nhã, bèn trước tác bộ Bát-nhã Vô Tri Luận hơn hai ngàn lời, dịch xong đem trình ngài La-thập. Ngài đọc xong khen rất hay.

Rồi nói với Tăng Triệu rằng: Ta hiểu không bằng ông, lời lẽ thật tuyệt vời. Thời đó ẩn sĩ ở Lô Sơn là Lưu Di Dân xem bộ luận này bèn khen rằng: Nào ngờ phương Bào lại có người như Bình Thúc. Nhân đó đem trình ngài Tuệ Viễn. Ngài bèn vỗ ghế khen rằng: Chưa từng có vậy. Nhân đó Ngài cùng Lưu Di Dân nghiên cứu tường tận. Từ đó, Lưu Di Dân thường viết thư gởi đến ngài Tăng Triệu: Con vừa thưởng thức tác phẩm nhiệm màu của Ngài nên trong lòng vô cùng ngưỡng vọng đồng thời viết thư đến thăm hỏi. Trời lúc này vào cuối đông, rét buốt không biết sức khoẻ Thầy thế nào. Thư gởi đến gặp phải sự cách trở nên càng cảm thấy áy náy. Đệ tử lún sâu trong bùn lầy, thường có những điều hủ bại. Cầu mong đại chúng ở đó được mạnh khoẻ và Pháp sư ngoại quốc được bình an. Cuối hạ năm ngoái con xem quyển luận Bát-nhã Vô Tri của thượng nhơn. Trong những lời lẽ thanh thoát mang ý nghĩa sâu sắc, suy xét Thánh ý rõ ràng có chỗ nương về. Dốc cạn nỗi lòng con cũng không dịch nỗi. Quả thật đáng gọi là ao sâu Phương đẳng để gội tâm, cảm nhận được chỗ nhiệm mầu, vô cùng tinh xảo, không có chút sơ hở vậy. Song kẻ mê muội khó hiểu được lại còn sanh nghi ngờ. Nay mong Ngài phân tích tỉ mỉ, và những lúc rỗi rãnh hãy vì con mà giải thích. Ngài Tăng Triệu hồi âm: Từ lâu không gặp mặt đã làm nhọc lòng đến sự mong đợi của Ngài, nhận được thư cùng với lời thăm hỏi, bần đạo giở ra xem tới xem lui cảm thấy rất vui mừng nên giờ thay lời hồi âm vậy: Khí hậu thời tiết ở đó lúc này như thế nào. Bần đạo ở đây thường bịnh hoạn mệt mỏi. Tăng chúng ở đây vẫn bình thường chỉ có Pháp sư La-thập là tốt hơn thôi. Tánh tình của Tần chủ tự nhiên, thiên cơ hơn người. Lấy việc hộ trì Tam bảo, hoằng pháp lợi sinh làm nhiệm vụ của mình. Bởi kinh điển thần diệu và Thánh tăng từ xa đến đây. Tiếng tăm nơi non Thứu đều tập trung ở chốn này chính là bến đò ngàn năm. Ở Tây Vực còn được hơn hai trăm bộ kinh Phương Đẳng, thầy La-thập ở Đại Thạch Tự dịch ra những bộ kinh ấy. Pháp tạng sâu rộng ngày nào cũng có những điều lạ tai. Thiền sư giảng đạo tu thiền ở chùa Ngỏa Quan, môn đồ mấy trăm đêm ngày tinh tấn tu tập, hài hòa trang nghiêm khiến tôi rất đỗi vui mừng. Tam tạng Pháp sư ở Trung Tự dịch ra bộ luật, đầu đuôi gãy gọn như vừa mới chế. Tỳ-bà-sa. Pháp sư ở chùa Thạch Dương soạn bộ Xá-lợi-phất Tỳ-đàm. Phạm bổn tuy chưa được dịch ra, nhưng bấy giờ có người hỏi thì nói ra những lời mới lạ. Bần đạo một đời hèn mọn được vận may gặp thời hưng thịnh này. Tự hận không thấy được cảnh Thích-ca nhập Niết-bàn, những chuyện khác đâu có gì đáng hận. Chỉ trộm nghĩ không được bàn đạo với quân tử và cùng tụ hội trong

pháp này thôi. Lời tán thưởng đã tỏ lòng kính mến sâu sắc lại còn ủy thác cho. Nhưng thư gởi đến hỏi một cách khéo léo thì quả thật đã gây khó cho Dĩnh nhơn. Bần đạo tư duy không thấu đáo và còn viết ra những lời bóng bẩy. Bởi nghĩa thú tột cùng là vô ngôn. Nói ra thì trái ý. Rốt cuộc thì chẳng biết biện ở chỗ nào. Thiết nghĩ tạm lấy lời sám để đáp lại yếu chỉ của Ngài vậy.

Sau này Ngài soạn các bộ Bất chơn không luận và Bất thiên luận, đồng thời chú giải kinh Duy-ma và viết tựa cho các bộ kinh luận, những tác phẩm ấy vẫn còn truyền bá ở đời.

Sau khi ngài La-thập qua đời, làm lễ truy điệu xong, Ngài càng nỗ lực hơn xưa. Rồi trước tác Niết-bàn Vô Danh luận. Ý trong bộ ấy nói: Kinh gọi Hữu Dư, Vô Dư Niết-bàn. Niết-bàn, tiếng Tần gọi là vô vi cũng gọi là diệt độ. Vô vi là nắm lấy cái rỗng rang không tịch, tuyệt diệu hơn hữu vi. Người diệt độ là nói người đối với hoạn lớn đã dứt hẳn siêu thoát khỏi bốn dòng. Ý này giống như chỗ bóng quay về gương. Tuyệt xương U trạch. Mà nói: Hữu dư vô dư là bởi chỗ xuất xứ gọi khác, vắng vẻ rỗng rang không thể dùng hình tướng danh ngôn để hình dung được. Vi diệu vô tướng không thể dùng tâm chấp có để biết được. Vượt bậc các thứ có để thầm siêu thăng. Lượng bằng thái hư mà mãi đuổi theo dấu vết cũng chẳng được. Ngữa nhìn mà cũng chẳng thấy được đầu. Lục thú cũng không thể nhiếp được sự sanh ấy. Mờ mịt phảng phất như còn như mất. Năm mắt chẳng thấy được dung mạo của nó. Sức gánh cũng không được thể của nó, hai tai cũng không nghe được tiếng vang của nó. Thăm thẳm xa xăm ai thấy ai biết. Rối rắm không chỗ nào không có. Mà chỉ dẫn đến nơi hữu vô. Thế thì nói là đánh mất sự chân thật. Biết thì trái lại cái ngu kia. Có thì trái với tính ấy. Không thì tổn thương thân mình. Cho nên Đức Thích-ca đóng thất nơi thành Ma-kiệt. Tịnh Danh ngậm miệng nơi thành Tỳ-da. Tu-bồ-đề xướng "Vô thuyết" để hiển bày đạo. Thích Phạm tuyệt âm thanh mà mưa hoa. Đây cũng là lý để thần ngự. Cho nên miệng ngậm bít thì đâu nói: Vô biện. Biện mà không thể nói. Kinh nói người thật sự giải thoát là lìa ngôn ngữ, số lượng. Tịch diệt an trụ không đầu không cuối. Không sáng, không tối, không lạnh không nóng. Lặng lẽ như hư không, vô danh, vô chứng. Luận nói: Niết-bàn Phi hữu cũng phi vô, tuyệt đường ngôn ngữ, bặt vết tâm hành. Thì sẽ tìm ra người trước tác kinh luận vậy, đâu gọi là hư cấu ư? Nếu có cái ấy thì không có. Cho nên không thể được mà có. Cái có ấy thì không thể không. Cho nên không thể được mà chính là không. Vì sao? Vì có cảnh thì năm ấm diệt hẳn. Suy không chốn u linh không

dứt thì nó bao trùm cả bầu trời tịch lặng. Năm ấm dứt hẳn thì vạn lụy tiêu sạch. Vạn lụy tiêu hết cho nên thông suốt mối đạo. Bao trùm cả vùng tịch lặng. Cho nên thần mà không vô công. Thần mà không công cho nên công tuyệt vời ấy luôn tồn tại và thông suốt với đạo. Cho nên pha lộn mà không biến đổi, pha lộn mà không biến đổi thì không thể là có. Công tột cùng luôn tồn tại thì không thể bảo là không. Vậy thì Hữu, Vô bặt dứt bên trong. Mà gọi là chìm mất ở ngoài. Chỗ thấy nghe hoàn toàn không lường được hôn mê bốn không. Điềm nhiên mà yên tĩnh, sợ hãi mà thái bình. Chín phái bấy giờ cùng quay về, chúng Thánh do đây được thầm hội. Đây chính là cảnh mà ta hoài mong. Ở chốn cực mầu mà muốn lấy có không đề bảng. Người ở bờ cõi ấy gọi là thần đạo mà cũng chẳng xa xôi. Sau này Ngài mười lần diễn chiết phục được chín gồm mấy ngàn lời. Văn cú nhiều không đếm xiết. Luận viết xong đem dâng vua Dao Hưng và nói: Triệu nghe nói Trời được một để "thanh", đất được một để "nịnh", quân vương được một để trị thiên hạ. Phục duy, bệ hạ là bậc vua thấu suốt, thông tuệ, anh minh hợp với thần đạo. Khế hợp mầu nhiệm còn hợp với lý thì không gì không hiểu. Cho nên thành thạo vạn cơ, hoằng đạo trọn ngày. Uy trùm cả muôn sanh, rủ lòng viết ít lời làm mô phạm. Cho nên trong vũ trụ có bốn cái cao cả. Vua chiếm lĩnh hết một rồi.

Nói đạo là Niết-bàn vì nó là chỗ quay về của hàng tam thừa, là uyên phủ của Phương Đẳng. Mênh mông thăm thẳm, dứt nẻo thấy nghe, sâu mầu huyền nhiệm. chẳng phải hàng phàm tình lường được. Triệu đem tấm thân hèn mọn này thừa ân quốc gia, được rảnh rang học hành thoải mái ở dưới cửa của ngài La-thập hơn mười năm. Tuy các kinh nghĩa thú sâu mầu, huyền nhiệm khác nhau, nhưng một nghĩa Niết-bàn luôn là trên hết, là lấy việc tu tập làm trước nhất. Nhưng tài năng của Triệu kém cỏi, cạn cợt. Tuy nhiều lần được dạy dỗ, nhưng vẫn cảm thấy mờ mịt, bởi sự ngu dốt quá nhiều. Tuy cũng hơi có chút kiến giải song chưa từng trải qua cuộc vấn đáp hùng biện. Cho nên không dám tự quyết. Bất hạnh, thầy La-thập đã thị tịch, không biết phải tham học nơi nào, điều đó khiến thần tiếc mãi. Mà bệ hạ thì Thánh đức sâu dày, rất khế hợp với thầy La-thập, chính mắt trông thấy đạo hưng tồn. Vui sướng từng tấc lòng, cho nên có thể giương ngọn huyền phong kia để cởi mở đường mê cho đời mạt pháp. Có lần gặp lời đáp về tông cực vô vi của An Thành Hầu Sùng hỏi cũng đề cập đến nghĩa vô danh của Niết-bàn. Nay đem trước tác bộ Niết-bàn Vô Danh Luận, có thập diễn cửu chiết. Thu thập toàn bộ kinh để chứng minh cho thí dụ, ngưỡng trình

bày lại chỗ cùng tột của Vô Danh cho bệ hạ biết, đâu dám gọi là khai mở thần tâm, truy tầm cao xa. Tạm đem huyền môn đã phác thảo ra để chiêu dụ đồ chúng thôi. Nếu tiểu tham Thánh chỉ thì nghiệp khắc lòng ghi nhớ. Nếu ngài có trao cho thì xin phục thừa ý chỉ. Vua Dao Hưng đáp chỉ rất ân cần, đầy đủ như tán thuật. Vua liền ban sắc lệnh sao chép đầy đủ để dạy bảo hàng con cháu. Điều đó đủ biết Ngài được tôn trọng như thế nào. Ngài thị tịch vào năm thứ mười Nghĩa hy nhà Tấn, ở Trường An, thọ ba mươi mốt tuổi.